

**BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1386 /BVHTTDL-VP

Hà Nội, ngày 02 tháng 4 năm 2025

V/v tổng kết 05 năm thi hành Luật Bảo vệ bí mật nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành

Kính gửi: Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ

Triển khai Kế hoạch số 133/KH-BCA-ANCTNB ngày 13/3/2025 của Bộ Công an về việc tổng kết 05 năm thi hành Luật Bảo vệ bí mật nhà nước (BMNN) và các văn bản hướng dẫn thi hành, căn cứ quy định tại Điều 8 Nghị định số 26/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ BMNN, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đề nghị các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ thực hiện:

1. Đánh giá thực trạng, tình hình thi hành và kết quả đạt được sau 05 năm thi hành Luật Bảo vệ BMNN và các văn bản hướng dẫn thi hành, bao gồm các nội dung: <sup>(1)</sup> Triển khai các hoạt động bảo vệ BMNN; <sup>(2)</sup> Phòng ngừa lộ, mất BMNN; <sup>(3)</sup> Phát hiện, xử lý hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ BMNN; <sup>(4)</sup> Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định pháp luật về bảo vệ BMNN; <sup>(5)</sup> Hướng dẫn, bồi dưỡng nghiệp vụ bảo vệ BMNN; <sup>(6)</sup> Hợp tác quốc tế công tác bảo vệ BMNN; <sup>(7)</sup> Trách nhiệm bảo vệ BMNN. (Đề cương tổng kết cụ thể kèm theo).

2. Nêu những khó khăn, vướng mắc, hạn chế, bất cập trong việc thực hiện các quy định của Luật Bảo vệ BMNN và các văn bản hướng dẫn thi hành trên thực tiễn; phân tích, chỉ rõ nguyên nhân của những khó khăn, vướng mắc, hạn chế, bất cập đó.

3. Đề xuất, kiến nghị các giải pháp sửa đổi, bổ sung Luật Bảo vệ BMNN và các văn bản hướng dẫn thi hành để khắc phục những khó khăn, vướng mắc trong quá trình áp dụng pháp luật bảo đảm tính khả thi, phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

Báo cáo tổng kết gửi về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (qua Văn phòng Bộ) **trước ngày 05/7/2025** để tổng hợp báo cáo Lãnh đạo Bộ, gửi Bộ Công an.

Đề nghị các cơ quan, đơn vị tiến hành tổng kết đảm bảo đầy đủ nội dung theo quy định. Quá thời hạn trên, các đơn vị không có báo cáo gửi về Bộ, Thủ trưởng đơn vị chịu trách nhiệm trước Lãnh đạo Bộ về tiến độ và công tác tổng kết thi hành Luật bảo vệ BMNN của cơ quan, đơn vị. /*kt*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Thứ trưởng Thường trực Lê Hải Bình (để báo cáo);
- Lưu: VT, VP(HC), LH.96.

**TL. BỘ TRƯỞNG**  
**CHÁNH VĂN PHÒNG**



**Nguyễn Danh Hoàng Việt**

**ĐỀ CƯƠNG**  
**Báo cáo tổng kết 05 năm thi hành**  
**Luật Bảo vệ bí mật nhà nước và văn bản hướng dẫn thi hành**

---

**PHẦN I**  
**CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, TRIỂN KHAI**  
**THI HÀNH LUẬT BẢO VỆ BÍ MẬT NHÀ NƯỚC**

**I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO TRIỂN KHAI VÀ XÂY DỰNG CÁC VĂN BẢN VỀ BẢO VỆ BÍ MẬT NHÀ NƯỚC**

**1. Công tác chỉ đạo triển khai thi hành Luật Bảo vệ bí mật nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành**

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao, đề nghị các đơn vị đánh giá công tác chỉ đạo triển khai thi hành Luật Bảo vệ BMNN và các văn bản hướng dẫn thi hành tại đơn vị, cụ thể như sau:

- Việc ban hành các văn bản chỉ đạo triển khai thi hành Luật.
- Việc tổ chức thực hiện các văn bản chỉ đạo triển khai thi hành Luật.
- Đánh giá hiệu quả công tác ban hành văn bản chỉ đạo và tổ chức thực hiện các văn bản này tại đơn vị.

**2. Việc ban hành quy chế, nội quy bảo vệ bí mật nhà nước theo quy định của Luật**

- Đề nghị việc ban quy chế, nội quy có bảo đảm tính kịp thời, phù hợp, thống nhất với Luật Bảo vệ BMNN và các văn bản hướng dẫn thi hành.
- Đánh giá hiệu quả công tác ban hành quy chế, nội quy về bảo vệ BMNN.

**II. CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN, QUẢN TRIỆT PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ BÍ MẬT NHÀ NƯỚC**

- Đánh giá kết quả công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt pháp luật về bảo vệ BMNN (có số liệu kèm theo - tổ chức bao nhiêu hội nghị, số lượng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động được phổ biến, quán triệt, hình thức tổ chức...).

- Đánh giá hiệu quả của công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ BMNN. Trong đó nêu rõ chất lượng, hiệu quả nội dung tuyên truyền cần nhân rộng.

**PHẦN II**  
**THỰC TRẠNG CÔNG TÁC TỔ CHỨC**  
**THI HÀNH LUẬT BẢO VỆ BÍ MẬT NHÀ NƯỚC**

**I. HOẠT ĐỘNG BẢO VỆ BÍ MẬT NHÀ NƯỚC**

## **1. Thực hiện quy định về xác định bí mật nhà nước và độ mật của bí mật nhà nước**

Đánh giá kết quả thực hiện quy định xác định BMNN, độ mật của BMNN quy định tại Điều 10 Luật Bảo vệ BMNN, Điều 2 Nghị định số 26, cụ thể:

- Đánh giá căn cứ xác định BMNN, độ mật của BMNN.
- Thực hiện đề xuất độ mật; thể hiện tên người soạn thảo, số lượng bản phát hành, được phép hoặc không được phép sao, chụp tại mục nơi nhận.
- Thực hiện đóng dấu chỉ độ mật, dấu bản số, dấu thời hạn bảo vệ BMNN trên tài liệu bí mật nhà nước; văn bản xác định BMNN đối với vật chứa BMNN.
- Việc xử lý đối với tài liệu xác định không đúng BMNN, xác định sai độ mật (xác định độ mật cao hoặc thấp hơn độ mật quy định tại danh mục BMNN).

## **2. Thực hiện quy định về sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước**

- Thực hiện quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục sao, chụp tài liệu, vật chứa BMNN.
- Thực hiện đóng dấu Bản sao BMNN, dấu Bản sao số; văn bản ghi nhận việc chụp.

## **3. Thực hiện quy định về thống kê, lưu giữ, bảo quản tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước**

- Việc thống kê tài liệu, vật chứa BMNN theo Mẫu số 18 ban hành kèm theo Thông tư số 24.
- Việc lưu giữ, bảo quản tài liệu, vật chứa BMNN (nơi lưu giữ, bảo quản có bảo đảm an toàn, việc xây dựng phương án bảo vệ...).

## **4. Thực hiện quy định về vận chuyển, giao nhận tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước theo Điều 13 Luật Bảo vệ bí mật nhà nước, Điều 4 Nghị định số 26**

- Thực hiện quy định về đăng ký, tiếp nhận tài liệu, vật chứa BMNN (đăng ký bằng sổ hoặc cơ sở dữ liệu quản lý trên máy tính); việc đóng bì, đóng dấu ký hiệu độ mật trên phòng bì.
- Việc ký nhận, bàn giao tài liệu, vật chứa BMNN.

## **5. Việc mang tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước ra khỏi nơi lưu giữ**

- Việc tuân thủ quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục mang tài liệu, vật chứa BMNN ra khỏi nơi lưu giữ phục vụ công tác ở trong nước, nước ngoài theo quy định tại Điều 14 Luật Bảo vệ BMNN và Điều 5 Nghị định số 26.
- Biện pháp bảo quản, bảo đảm an toàn đối với tài liệu, vật chứa BMNN mang ra khỏi nơi lưu giữ.

## **6. Thực hiện quy định về cung cấp, chuyển giao bí mật nhà nước**

- Thống kê số lượt cung cấp, chuyển giao BMNN cho cơ quan, tổ chức, người Việt Nam và cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài tại cơ quan, đơn vị (số lượng tài liệu được cung cấp, chuyển giao, độ mật); chú ý đánh giá việc

cung cấp, chuyển giao BMNN cho các nước có ký kết Hiệp định bảo vệ tin mật với Việt Nam (Nga, Ucraina, Belarus, Bulgari, Ba Lan, Tây Ban Nha, Mông Cổ, Lào).

- Việc tuân thủ quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục cung cấp, chuyển giao BMNN quy định tại Điều 15, Điều 16 Luật Bảo vệ BMNN.

**7. Hội nghị, hội thảo, cuộc họp có nội dung bí mật nhà nước của cơ quan, tổ chức Việt Nam và hội nghị, hội thảo, cuộc họp có yếu tố nước ngoài tổ chức tại Việt Nam có nội dung bí mật nhà nước**

- Đánh giá việc thực hiện quy định về thẩm quyền, thành phần tham dự, địa điểm tổ chức; việc sử dụng phương tiện, thiết bị và xây dựng phương án bảo vệ hội nghị, hội thảo, cuộc họp.

- Việc thu hồi tài liệu, vật chứa BMNN sau hội nghị, hội thảo, cuộc họp.

**8. Thời hạn bảo vệ bí mật nhà nước**

Đánh giá việc xác định thời hạn bảo vệ BMNN về hoạt động quy định tại khoản 2 Điều 19 Luật Bảo vệ BMNN (có thực hiện việc xác định cụ thể trên tài liệu, vật chứa BMNN khi xác định độ mật).

**9. Thực hiện quy định về gia hạn thời hạn bảo vệ bí mật nhà nước**

Đánh giá kết quả thực hiện gia hạn thời hạn bảo vệ đối với BMNN hết thời hạn bảo vệ nếu việc giải mật gây nguy hại đến lợi ích quốc gia dân tộc và việc gia hạn thời hạn bảo vệ quy định tại Điều 28 của Luật.

**10. Thực hiện quy định về điều chỉnh độ mật**

Đánh giá kết quả thực hiện quy định về điều chỉnh độ mật: căn cứ điều chỉnh, thẩm quyền quyết định, thông báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan.

**11. Thực hiện quy định về giải mật**

- Thống kê số lượng BMNN được giải mật tại cơ quan, đơn vị (số lượng tài liệu, độ mật); việc giải mật theo trường hợp đương nhiên giải mật hay theo quy trình thành lập hội đồng giải mật.

- Đánh giá việc tuân thủ quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục giải mật quy định tại Điều 22 Luật Bảo vệ BMNN.

**12. Thực hiện quy định về tiêu hủy tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước**

- Đánh giá việc thực hiện tiêu hủy tài liệu, vật chứa BMNN theo yêu cầu của Luật.

- Đánh giá việc tuân thủ quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tiêu hủy tài liệu, vật chứa BMNN quy định tại Điều 23 Luật Bảo vệ BMNN.

**13. Về kinh phí, cơ sở vật chất phục vụ bảo vệ bí mật nhà nước**

- Việc bố trí kinh phí phục vụ công tác bảo vệ BMNN tại cơ quan, đơn vị.

- Việc trang bị phương tiện, thiết bị phục vụ soạn thảo, lưu giữ, vận chuyển, truyền nhận BMNN (máy tính độc lập, USB cơ yếu...); đầu tư cơ sở vật chất để lưu giữ, bảo quản, bảo vệ an toàn BMNN (xây dựng kho, phòng;

lắp đặt hệ thống phòng cháy, chữa cháy; lắp đặt hệ thống camera giám sát; lắp đặt thiết bị báo động xâm nhập trái phép...).

- Trang bị hệ thống sổ, phần mềm quản lý BMNN; các loại mẫu dấu...

#### **14. Việc mã hóa cơ yếu và ứng dụng các giải pháp khoa học công nghệ để bảo vệ bí mật nhà nước**

- Việc thực hiện mã hóa cơ yếu trong lưu giữ, truyền đưa BMNN.
- Việc ứng dụng các giải pháp khoa học công nghệ để bảo vệ BMNN.

Đánh giá hiệu quả của giải pháp trên.

### **II. THỰC HIỆN QUY ĐỊNH VỀ TRÁCH NHIỆM BẢO VỆ BÍ MẬT NHÀ NƯỚC**

- Đánh giá trách nhiệm của người đứng đầu, người tiếp cận, người trực tiếp quản lý BMNN trong tổ chức thực hiện quy định tại Điều 25, Điều 26 Luật Bảo vệ BMNN; việc tuân thủ quy định về bàn giao, thu hồi tài liệu, vật chứa BMNN trước khi nghỉ hưu, thôi việc, chuyển công tác.

- Việc phân công người thực hiện nhiệm vụ bảo vệ BMNN tại đơn vị, đánh giá chất lượng của đội ngũ làm công tác này (trình độ, kiến thức về bảo vệ BMNN, năng lực tham mưu, hướng dẫn). Thống kê số người thực hiện nhiệm vụ chuyên trách, kiêm nhiệm (*Phụ lục số 1*).

- Thống kê, đánh giá số cuộc kiểm tra việc chấp hành các quy định pháp luật về bảo vệ BMNN; số lượng đơn vị được kiểm tra; chất lượng các cuộc kiểm tra.

- Đánh giá việc thực hiện chế độ thông tin báo cáo về công tác bảo vệ BMNN (báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất khi phát hiện lộ, mất BMNN...).

### **PHẦN III TÌNH HÌNH LỘ, MẤT BÍ MẬT NHÀ NƯỚC**

- Thống kê số liệu lộ, mất BMNN theo từng năm (từ 01/7/2020 đến 30/6/2025) và tổng số liệu của 05 năm (*Phụ lục số 02*).

- Thống kê kết quả xử lý kỷ luật công chức, viên chức vi phạm quy định về bảo vệ BMNN theo từng năm (từ 01/7/2020 đến 30/6/2025) và tổng số liệu của 05 năm (*Phụ lục số 03*).

- Phân tích, đánh giá tình hình tăng, giảm; hình thức lộ, mất; tính chất, mức độ, hậu quả; nguyên nhân.

### **PHẦN IV NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ VỀ CÔNG TÁC BẢO VỆ BÍ MẬT NHÀ NƯỚC**

#### **I. ƯU ĐIỂM**

Đánh giá khái quát việc thực hiện các quy định của Luật Bảo vệ BMNN và các văn bản hướng dẫn thi hành gắn với chức năng, nhiệm vụ, hoạt động của cơ quan, đơn vị và ngành, lĩnh vực quản lý.

## **II. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC VÀ NGUYÊN NHÂN**

### **1. Khó khăn, vướng mắc**

- Khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện các quy định của Luật Bảo vệ BMNN và các văn bản hướng dẫn thi hành. Trong đó, chỉ rõ các quy định chưa thống nhất còn mâu thuẫn, chồng chéo, chưa phù hợp với thực tiễn, chưa đáp ứng yêu cầu bảo vệ an ninh quốc gia nói chung, bảo vệ BMNN nói riêng trong tình hình hiện nay...

- Khó khăn, vướng mắc trong công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ BMNN.

- Khó khăn, vướng mắc trong công tác phòng ngừa lộ, mất BMNN.

- Khó khăn, vướng mắc trong công tác phát hiện, xử lý hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ BMNN.

- Khó khăn, vướng mắc trong bố trí kinh phí, đầu tư cơ sở vật chất phục vụ công tác bảo vệ BMNN.

### **2. Nguyên nhân của những khó khăn, vướng mắc**

- Nguyên nhân khách quan.

- Nguyên nhân chủ quan.

## **III. ĐÁNH GIÁ MỐI QUAN HỆ CHỒNG CHÉO, MÂU THUẬN VÀ NHỮNG PHÁT SINH TRONG THỰC TIỄN CÔNG TÁC BẢO VỆ BÍ MẬT NHÀ NƯỚC**

### **1. Đánh giá về mối quan hệ chồng chéo**

Trên cơ sở thực tiễn thi hành Luật Bảo vệ BMNN và các văn bản hướng dẫn thi hành của cơ quan, đơn vị mình, đề nghị đánh giá các quy định trong Luật Bảo vệ BMNN và các văn bản hướng dẫn thi hành có sự chồng chéo hoặc mâu thuẫn so với quy định của các bộ luật, luật có liên quan hay không (nếu có đề nghị nêu cụ thể và phân tích đánh giá vấn đề chồng chéo, mâu thuẫn).

### **2. Xác định những vấn đề phát sinh trong thực tiễn**

Trên cơ sở thực tiễn thi hành Luật Bảo vệ BMNN và các văn bản hướng dẫn thi hành của cơ quan, đơn vị mình, đề nghị **xác định những vấn đề phát sinh trong thực tiễn** thi hành Luật Bảo vệ BMNN và các văn bản hướng dẫn thi hành thuộc lĩnh vực quản lý nhưng chưa được pháp luật quy định và cần được pháp luật điều chỉnh.

## **PHẦN V**

## **DỰ BÁO TÌNH HÌNH VÀ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT ĐỔI MỚI, NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC BẢO VỆ BÍ MẬT NHÀ NƯỚC TRONG THỜI GIAN TỚI**

### **1. Dự báo tình hình**

Dự báo tình hình thế giới, khu vực và trong nước có tác động, ảnh hưởng đến công tác bảo vệ BMNN.

## **2. Kiến nghị, đề xuất đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác bảo vệ bí mật nhà nước trong thời gian tới**

Kiến nghị, đề xuất các giải pháp cụ thể để đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác bảo vệ BMNN trong thời gian tới, trong đó chú trọng một số giải pháp theo định hướng sau:

- Sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền, sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị đối với công tác bảo vệ BMNN.
- Công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật về bảo vệ BMNN; bồi dưỡng nghiệp vụ bảo vệ BMNN.
- Hoàn thiện cơ sở pháp lý về công tác bảo vệ BMNN, trong đó đề xuất cụ thể việc sửa đổi các quy định gây khó khăn, vướng mắc, chưa phù hợp với thực tiễn, bổ sung các vấn đề phát sinh chưa được quy định trong Luật Bảo vệ BMNN và các văn bản hướng dẫn thi hành.
- Đề xuất các biện pháp bảo vệ BMNN góp phần nâng cao hiệu quả thực hiện công tác bảo vệ BMNN đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học công nghệ.
- Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung danh mục bảo vệ BMNN thuộc các ngành, lĩnh vực bảo đảm phù hợp với thực tiễn, vừa đáp ứng yêu cầu bảo vệ an ninh quốc gia, vừa đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số.
- Nâng cao hiệu quả công tác phòng ngừa lộ, mất BMNN; phát hiện, xử lý hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ BMNN.
- Hợp tác quốc tế trong bảo vệ BMNN./.

**PHỤ LỤC I**  
**THỐNG KÊ CÁN BỘ CHUYÊN TRÁCH, KIÊM NHIỆM**  
**THỰC HIỆN NHIỆM VỤ BẢO VỆ BÍ MẬT NHÀ NƯỚC**  
*(tính đến ngày 30/6/2025)*

| <b>Cán bộ chuyên trách, kiêm nhiệm</b> | <b>Số lượng</b> | <b>Cơ quan, đơn vị</b> | <b>Vị trí, cơ quan, đơn vị công tác</b> |
|----------------------------------------|-----------------|------------------------|-----------------------------------------|
| <i>Vi dụ:</i><br>Chuyên trách          | 01              | Văn phòng Bộ           | Phòng Hành chính                        |
| Kiểm nhiệm                             | 01              | Cục....                | Phòng...                                |
| ...                                    | ...             | ...                    | ...                                     |



**PHỤ LỤC II**  
**THỐNG KÊ CÁC VỤ LỘ, MẤT BÍ MẬT NHÀ NƯỚC XẢY RA TẠI CƠ QUAN, ĐƠN VỊ**  
**(từ 01/7/2020 - 30/6/2025)**

[illegible]

**PHỤ LỤC III**  
**THỐNG KÊ KẾT QUẢ XỬ LÝ KỶ LUẬT**  
*(Từ ngày 01/7/2020 đến ngày 30/6/2025)*

[illegible]